

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2020

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Quyết

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ngọc Q**, sinh năm: 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K93/5 đường N, tổ 17, phường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Số 7 đường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Đỗ Ngọc C**, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: K93/5 đường N, tổ 17, phường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2020; bản tự khai ngày 04/6/2020; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/6/2020; biên bản hòa giải ngày 04/6/2020 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc Q trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Đỗ Ngọc C xây dựng gia đình vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ông C địa chỉ K93/5 đường N, tổ 17, phường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống. Ông C thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, không có trách nhiệm với gia đình, con cái và thường xuyên ghen tuông vô cớ. Vì con nên Bà đã cố gắng chịu đựng nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ tháng 03/2020 đến nay, Bà đã dẫn con là Đỗ Ngọc Duy B chuyển về nhà cha mẹ ruột của bà tại số 07 đường A, quận S, thành phố Đà Nẵng để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không ai còn quan tâm đến ai.

Nay Bà xác định không còn tình cảm thương yêu ông C, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Đỗ Ngọc C.

- *Về con chung*: Bà xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung: Đỗ Ngọc Duy C1, sinh ngày: 27/5/2006 và Đỗ Ngọc Duy B, sinh ngày 24/9/2011. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Ngọc Duy B và giao con Đỗ Ngọc Duy C1 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- *Về tài sản chung*: Bà xác định không có.

- *Về nợ chung*: Bà xác định không có.

* Theo bản tự khai ngày 04/6/2020; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/6/2020; biên bản hòa giải ngày 04/6/2020 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Đỗ Ngọc C trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc Q về thời gian và điều kiện kết hôn. Hôn nhân giữa Ông và bà Q là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ của Ông tại địa chỉ K93/5 đường N, tổ 17, phường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông cũng ít quan tâm đến gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến xảy ra cãi vã. Từ tháng 03/2020 đến nay, bà Q đã dẫn con Đỗ Ngọc Duy B chuyển về nhà cha mẹ ruột của bà Q để ở, còn ông và con Đỗ Ngọc Duy C1 vẫn ở địa chỉ trên.

Nay bà Q nộp đơn xin ly hôn với Ông thì ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Q, ông mong muốn vợ chồng có thêm thời gian để hàn gắn tình cảm.

Tại phiên tòa ông C trình bày, ông đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà Q vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn nên ông cũng đồng ý với nguyện vọng yêu cầu ly hôn của bà Q, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà Q được ly hôn với nhau.

- *Về con chung*: Ông xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung: Đỗ Ngọc Duy C1, sinh ngày: 27/5/2006 và Đỗ Ngọc Duy B, sinh ngày 24/9/2011. Ly hôn, ông thống nhất với đề nghị của bà Q là giao con Đỗ Ngọc Duy B cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và giao con Đỗ Ngọc Duy C1 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- *Về tài sản chung*: Ông xác định không có.

- *Về nợ chung*: Ông xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc Q về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” đối với ông Đỗ Ngọc C.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc Q với ông Đỗ Ngọc C.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của bà Q với ông C như sau: Giao con Đỗ Ngọc Duy B, sinh ngày 24/9/2011 cho bà Trần Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và giao con Đỗ Ngọc Duy C1, sinh ngày 27/5/2006 cho ông Đỗ Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q và ông C xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Đỗ Ngọc C có địa chỉ tại K93/5 đường N, tổ 17, phường H, quận

Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc Q và ông Đỗ Ngọc C có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng vào ngày 05/01/2006; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà Q và ông C chung sống tại nhà cha mẹ của ông C tại địa chỉ K93/5 đường N, phường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Theo bà Q trình bày thì trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do ông C thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, không có trách nhiệm với gia đình, con cái; ghen tuông vô lý, vợ chồng không tin tưởng nhau về mọi mặt, bà đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông C nhưng bà đã cho ông C cơ hội để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn nên bà đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay ông C vẫn không thay đổi. Để ổn định cuộc sống, bà Trần Thị Ngọc Q đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn đối với ông Đỗ Ngọc C. Còn về phía ông C, quá trình giải quyết vụ án, ông thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông ít quan tâm đến gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã; từ tháng 3 năm 2020 đến nay, bà Q đã về nhà cha mẹ ruột để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay; tuy nhiên, ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, ông có nguyện vọng được đoàn tụ để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay, ông C xác định bà Q kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà Q, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, cả bà Q và ông C đều xác định giữa vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi và không ai còn quan tâm đến ai. Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng có ý thức và trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc. Tại phiên tòa cả bà Q và ông C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc Q với ông Đỗ Ngọc C.

[3] Về con chung: Bà Q và ông C xác định có 02 (hai) người con chung là Đỗ Ngọc Duy C1, sinh ngày 27/05/2006 và Đỗ Ngọc Duy B, sinh ngày 24/9/2011. Ly hôn, ông bà thỏa thuận, bà Q trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Ngọc Duy B cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông C trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Ngọc Duy C1 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện chăm sóc con của ai tốt hơn và nguyện vọng của các

con là muốn ở với ai. Bà Q và ông C hiện nay đều có công việc, có thu nhập ổn định và có điều kiện chăm sóc con tốt. Hiện nay bà Q đang trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Ngọc Duy B và ông C đang trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Ngọc Duy C1. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của bà Q và ông C về việc nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu B là được ở với bà Q và cháu C1 được ở với ông C nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà Q và ông C xác không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Q và ông C xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trần Thị Ngọc Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” của nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc Q đối với bị đơn là ông Đỗ Ngọc C.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc Q với ông Đỗ Ngọc C.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

+ Giao con Đỗ Ngọc Duy B, sinh ngày 24/9/2011 cho bà Trần Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

+ Giao con Đỗ Ngọc Duy C1, sinh ngày 27/05/2006 cho ông Đỗ Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Trần Thị Ngọc Q phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0001933 ngày 12/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Q đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (*Giấy CNKH ngày 05/01/2006; số 02; quyển số I*);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đức Thiện